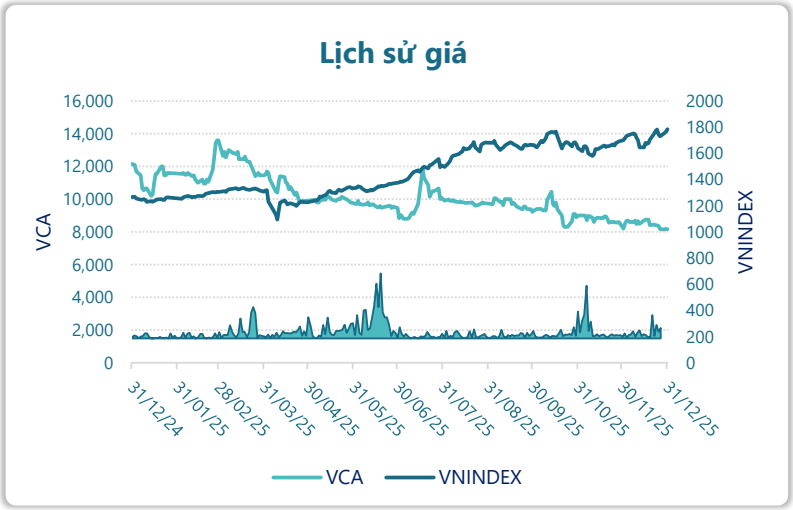
FireAnt

CTCP Thép Vicasa - VNSTEEL (HSX: VCA)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,170**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,150
SL cổ phiếu LH	15,187,322
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,440
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	124
P/E	-8.4
EPS	-974

DT thuần

Q4/25

89.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 46.4| 107%

YoY: ▼255| -74.0%

LN sau thuế

Q4/25

-13.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.66| -274%

YoY: ▼15.8| -619%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-1.3%

+/- YoY: ▼ 1.6%

DT thuần

2025

1,018

tỷ VNĐ

YoY: ▼340| -25.1%

LN sau thuế

2025

-14.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼15.8| -1527%

ROE

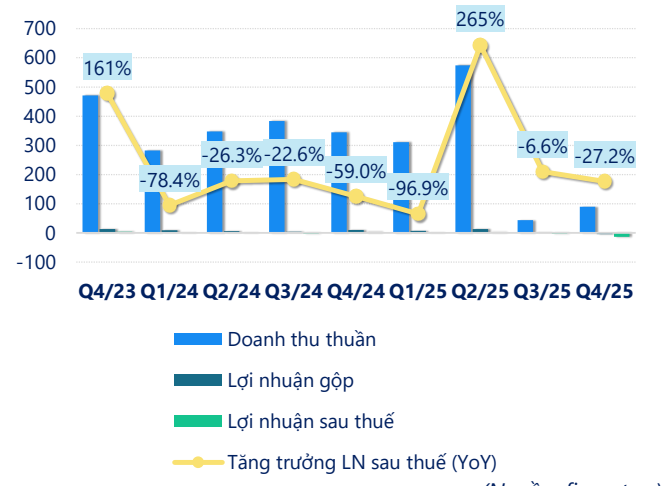
2025

-8.0%

+/- YoY: ▼ 8.5%

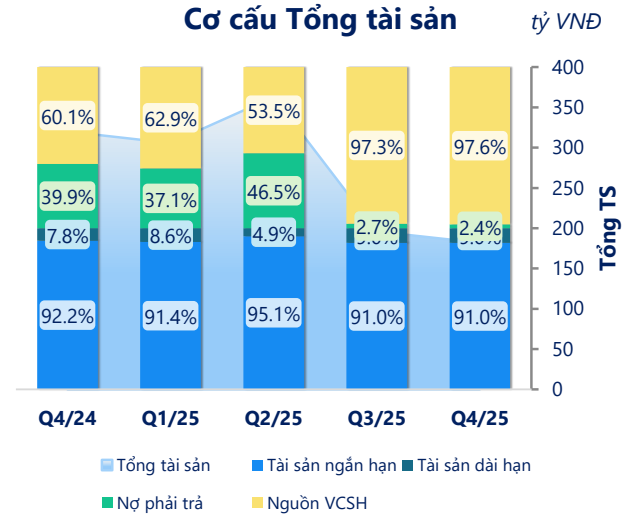
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



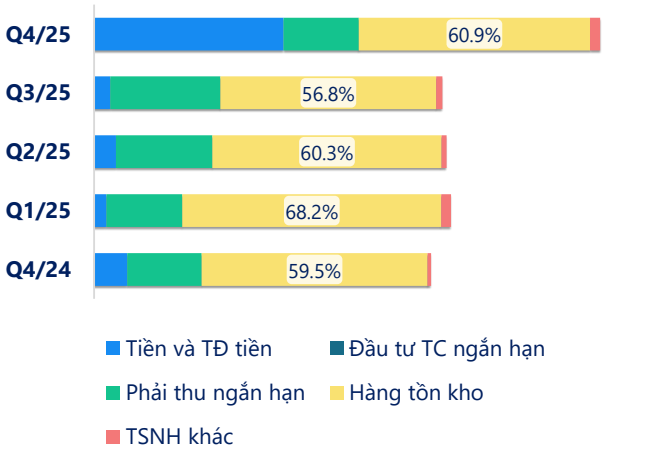
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



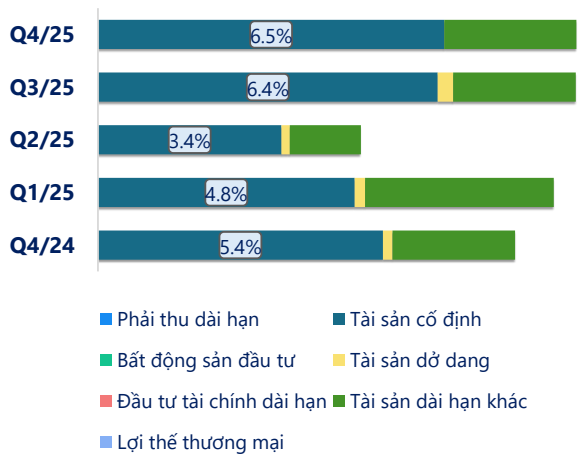
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



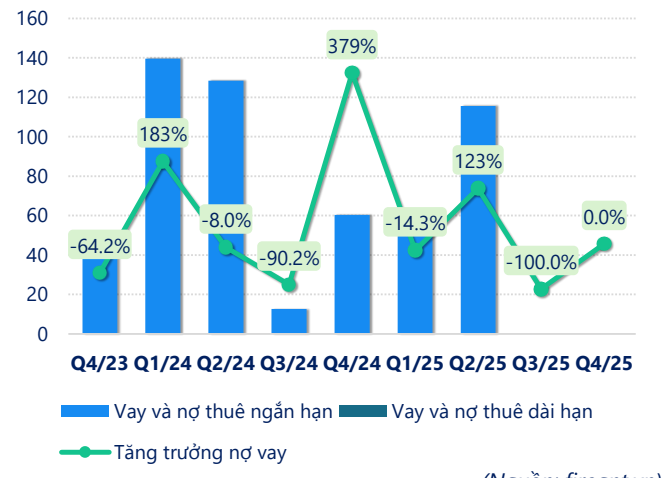
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



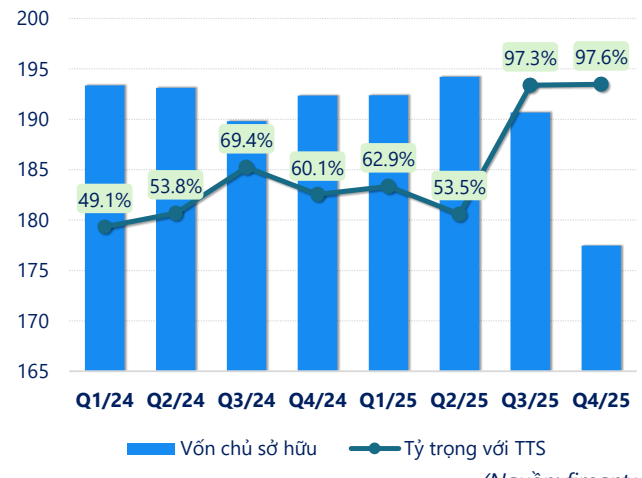
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



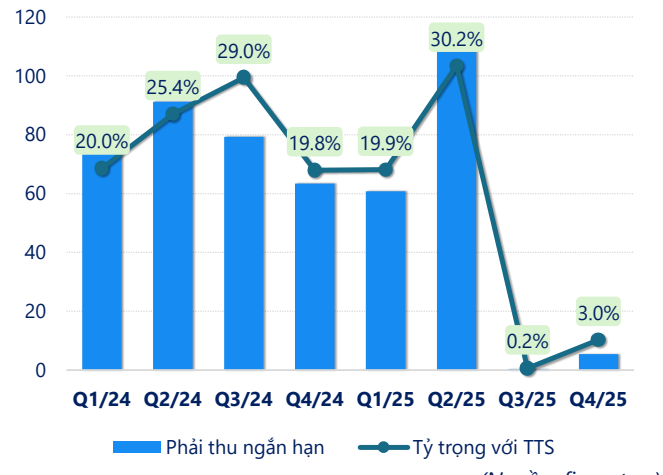
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



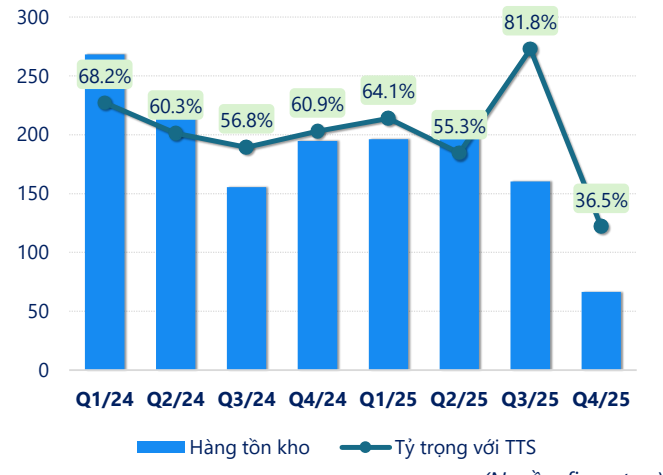
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



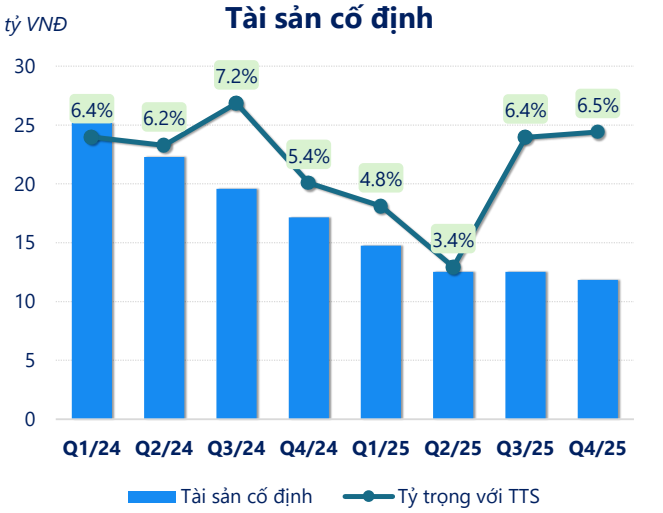
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



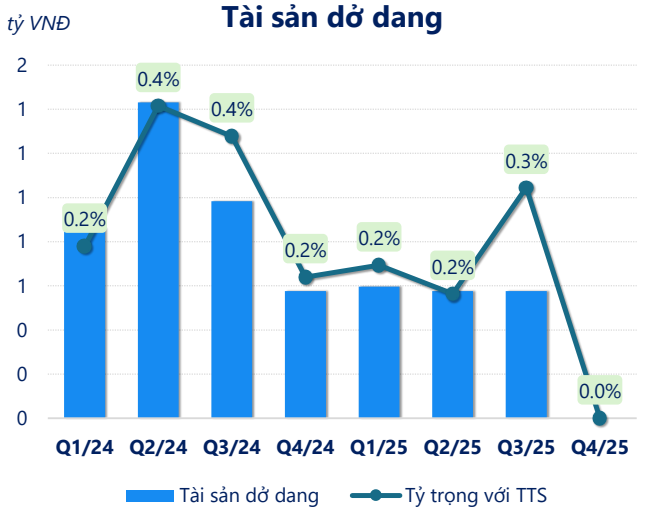
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



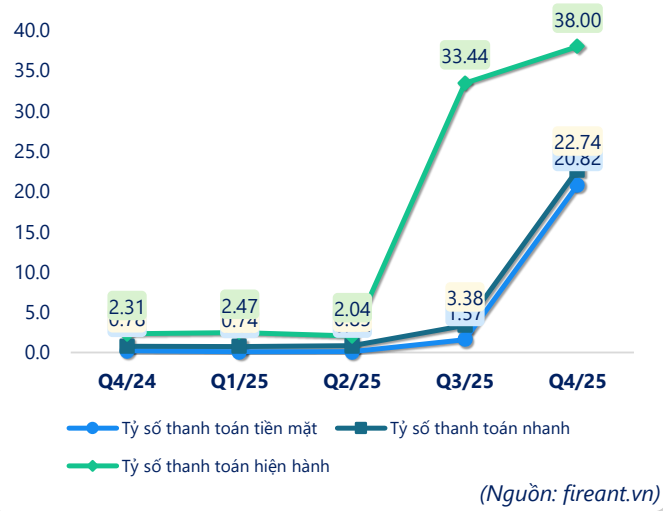
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



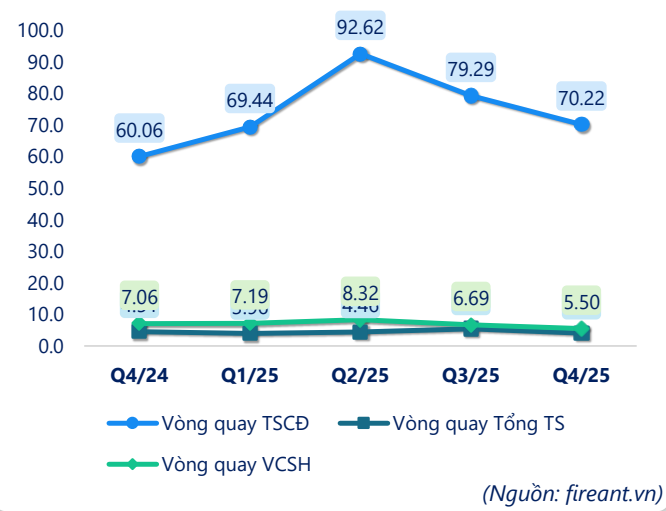
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**320**	**306**	**363**	**196**	**182**
Tài sản ngắn hạn	**295**	**280**	**345**	**178**	**165**
Tiền và tương đương tiền	28.0	9.93	20.9	8.38	90.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	63.4	60.8	110	0.36	5.48
Hàng tồn kho	195	196	201	160	66.4
Tài sản ngắn hạn khác	8.62	12.7	13.7	9.26	2.86
Tài sản dài hạn	**25.1**	**26.2**	**18.0**	**17.6**	**16.4**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	17.1	14.8	12.5	12.5	11.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.58	0.60	0.58	0.58	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	7.37	10.9	4.86	4.51	4.51
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**128**	**113**	**169**	**5.33**	**4.35**
Nợ ngắn hạn	**128**	**113**	**169**	**5.33**	**4.35**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.4	51.8	116	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	47.0	44.8	41.0	1.42	0.05
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**192**	**192**	**194**	**191**	**177**
Vốn chủ sở hữu	**192**	**192**	**194**	**191**	**177**
Vốn điều lệ	152	152	152	152	152
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)